

MA TRẬN ĐỀ THI LUYỆN THI C KÌ II MÔN NGỮ VĂN 10

Năm học: 2020 - 2021

- **Cấp độ:** Nhận biết, thông hiểu và vận dụng các kiến thức:

+ Tìm hiểu nội dung văn bản ngoài sách giáo khoa. (3 điểm)

+ Vận dụng kiến thức, kỹ năng làm văn thuyết minh về tác giả, tác phẩm trong chương trình Ngữ Văn lớp 10, học kỳ II. (7 điểm)

Nguyễn Du – Truyện Kiều

Chuyên đề phân tích đời thơ Nguyễn Du

Đoạn trích Hồi trống Cổ Thành

- **Hình thức kiểm tra:** Tự luận.

- **Cách tính điểm kiểm tra:** Viết tự luận trong 90 phút.

- **Ma trận đề**

Mức độ CHức độ	NHận biết	THÔNG HIỂU	Vận dụng		TỔNG SỐ
			THỰC	CAO	
I. Đọc hiểu Ngữ liệu ngoài SGK.	- Phân tích nội dung biểu tượng. - Phép liên kết - Các biện pháp tu từ - Xác định câu chủ đề.	- Nội dung - Hiểu ý nghĩa của tác phẩm đối với xã hội trong văn bản. - Dẫn vào văn bản nêu ra ý của người viết...	- Chọn và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật. - Hiểu tâm tình của, thông điệp mà tác giả gửi trong văn bản. - Trả lời câu hỏi: tại sao? Đúng tình hay không đúng tình? Lý giải	- Viết đoạn văn từ 5 – 7 câu bày tỏ quan điểm về mặt văn đề đề ra trong văn bản. - Rút ra bài học, thông điệp tác giả gửi gắm, ý nghĩa...	
Số câu Số điểm Tỉ lệ	1 1 điểm 10%	1 0.75 điểm 7.5%	1 0.75 điểm 7.5%	1 0.5 điểm 5%	4 3,0 điểm 30%
II. NLVH - Nguyễn Du và Truyện Kiều - Chuyên đề phân tích đời thơ Nguyễn Du - Đoạn trích	- Đề mục bố cục của 3 phần. - Nội dung chính của bài thuyết minh về tác giả, tác phẩm văn học. - Xác định đề tài yêu cầu của đề bài	- Đề mục bố cục đúng, đầy đủ nội dung, nghệ thuật của văn bản	- Biết vận dụng các thao tác lập luận: phân tích, so sánh...biết cách trích dẫn dẫn chứng. - Biết vận dụng kỹ năng	- Sáng tạo. - Thuyết minh giá trị giá trị tư tưởng mà văn bản thể hiện - Chuyển ý, chuyển đoạn - Rút ra bài	

Hội trường C Thành	- Trình bày, diễn đạt. - Hình thành h thống luận đi m, luận c l, luận ch ng.		làm văn, năng l c để c h u đ làm bài	h c cho b n thân.	
Số câu Số đi m T l	1 3 đi m 30%	1 2 đi m 20%	1 1.5 đi m 15%	1 0.5 đi m 0.5%	1 7.0 70%
T ng số câu T ng số đi m T l	2 4 đi m 40%	2 2.75 đi m 27.5%	2 2.25 đi m 22.5%	2 1 đi m 10%	2 10.0 100%

I/ TÌM HIỂU VĂN BẢN ĐỀ C – HIỂU (MANG TÍNH CHẤT THAM KHẢO MỘT U)

ĐỀ 1: Đề c **đ** **đ** **n** **th** **sau và tr** **l** **i** **các câu h** **i** **1, 2, 3, 4.**

Trái đất r *ng giàu sang bao th* *ti* *ng*

Cao quý thâm tr *m r* *c r* *vui t* *i*

Ti *ng Vi* *t rung rinh nh* *p* *đ* *p trái tim ng* *i*

Nh *ti* *ng sáo nh* *dây đàn máu nh*.

Bu *m l* *ng sóng xô, mai v* *trúc nh*

Phá củi l *ng v* *i v* *i cánh chim bay*

Ti *ng ngh* *n ngào nh* *đ* *i m* *đ* *ng cay*

Ti *ng trong tr* *o nh* *h* *n dân t* *c Vi* *t.*

M *i s* *m d* *y nghe b* *n b* *thân thi* *t*

Ng *i* *qua đ* *ng chung ti* *ng Vi* *t cùng tôi*

Nh *v* *mu* *i chung lòng bi* *n m* *n*

Nh *dòng sông th* *ng m* *n ch* *y muôn đ* *i.*

(trích *Ti* *ng Vi* *t* - L

(L

Câu 1. Hãy cho bi

Ph

Câu 2. Ghi l

Đ

Câu 3. Cho bi

Tác đ

Câu 4. Ghi l

B

ĐỀ 2: Đề c **đ** **đ** **n** **th** **và tr** **l** **i** **các câu h** **i** **t** **Câu 1 đ** **n** **Câu 4.**

...“Ta làm con chim hót

Ta làm m

Ta nhòp vào hòa ca
Mặt trời trộm xao xuyến

Mặt mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc”...

(Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải)

Câu 1: Phân tích biểu tượng chính của đoạn thơ.

- Phân tích biểu tượng chính: biểu tượng

Câu 2: Nội dung chính của đoạn thơ.

- Nội dung: khát vọng mãnh liệt của nhà thơ khi muốn hóa thân mình thành mặt “mùa xuân nho nhỏ” lặng lẽ dâng cho đời để cống hiến cho đất nước, nhân dân những điều cao đẹp.

Câu 3: Xác định 2 biện pháp tu từ để tác giả sử dụng trong đoạn thơ và phân tích hiệu quả nghệ thuật của chúng.

- Biện pháp tu từ:

+ Điệp ngữ: “ta làm”, “dù là” - góp phần khẳng định tình cảm, trách nhiệm của nhà thơ đối với đất nước, nhân dân.

+ Nhân hóa “mùa xuân nho nhỏ” - thể hiện khát vọng dâng hiến, cống hiến cho đời của nhà thơ.

Câu 4: Đoạn thơ trên gợi cho anh/ chị những cảm nghĩ gì về ý nghĩa cuộc sống của mỗi con người.

Gợi ý: thể hiện rõ ràng nhận xét, suy nghĩ của bản thân sống trên đời phải biết sống vì cái chung, phải biết cống hiến cho đời. Cuộc sống vì vậy mới trở nên có ý nghĩa.

ĐỀ 3: ĐỌC VĂN BẢN SAU VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 4:

[1] ...Thật khó để rao giảng sự tin hào dân tộc. Hầu như chúng ta có cảm xúc đó trong một hoàn cảnh cụ thể khi chúng ta đang trải nghiệm một biến cố cùng hòa vang quật ca hoặc khi chúng ta nghe một câu chuyện thành công của một người nhân tài của đất nước hay chúng ta bắt bình trước một vận động như hàng nghìn con người và quê hương mình. Nhưng hãy nói về một câu chuyện đến gần hơn, nó là tuổi trẻ sinh, chúng ta sẽ thấy hiện sự tin hào đó như thế nào?

[2] Tin hào dân tộc không phải là việc chúng ta thu thập ca dao, tục ngữ, thơ văn lưu loát mà là có sự cảm nhận và vận động của văn hóa dân tộc và mang trong mình tâm thức chia sẻ, quan tâm những vận động truyền thống của đất nước ra thế giới. Tin hào dân tộc không phải là việc chúng ta thu thập lòng nhiệt tình tích lũy số lượng nhà mà là tôn trọng các nền văn hóa, các quốc gia khác nhau và biết hành động vì một thế giới của đất nước. Tin hào dân tộc không phải là việc vẽ nên tên, xem như các nền văn hóa khác mà là thể hiện bản sắc người Việt trong bối cảnh quốc tế.

(Trích *Thế giới trẻ sinh nhân ngày trẻ trẻ năm học 2016-2017*, Marcel van Miert, chủ tịch điều hành hội đồng Trẻ em Quốc tế Việt - Úc)

Câu 1: Xác định phân tích biểu tượng chính để tác giả sử dụng trong văn bản trên.

Phân tích biểu tượng chính: Nghệ thuật

Câu 2: Theo tác giả, niềm tin hào dân tộc xuất hiện trong hoàn cảnh cụ thể nào.

Theo tác giả, niềm tin hào dân tộc xuất hiện trong những hoàn cảnh:

+ Khi chúng ta đang trải nghiệm một biến cố cùng hòa vang quật ca

+ Khi chúng ta nghe một câu chuyện thành công của một người nhân tài của đất nước

+ Chúng ta biết bình thường có một vấn đề như hình ảnh đến con người và quê hương mình.

Câu 3: Chắc hẳn pháp tu từ trong đoạn [2] của văn bản và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ đó.

Biện pháp tu từ: Lặp cấu trúc cú pháp: "Tôi hào dân tộc không phải... mà là..."

Hiệu quả: Nhấn mạnh và khẳng định quan điểm của người viết về niềm tự hào dân tộc.

Câu 4: Quan điểm của anh chị về ý kiến: "Tôi hào dân tộc không phải là việc chúng ta thu về ca dao, tục ngữ, thơ văn lưu loát mà là có sự cảm nhận và tiếp nhận văn hóa dân tộc và mang trong mình tâm thức chia sẻ, quâng bá những vẻ đẹp truyền thống của đất nước ra thế giới". (viết trong khoảng 5-7 câu)

HS nêu quan điểm cá nhân và có những lí giải thuyết phục. Gợi ý:

+ Bản sắc dân tộc là những nét riêng biệt và vượt trội của dân tộc đó cần được thể hiện và gìn giữ trong thời kỳ hội nhập.

+ Cần nhận thức đầy đủ và sâu sắc về văn hóa dân tộc, tích cực quâng bá những nét đẹp của văn hóa quê hương, những hình ảnh đẹp trên khắp mọi miền đất nước, luôn gìn giữ, phát huy những vẻ đẹp truyền thống....

Đ4: Đoạn trích sau và thể hiện các yêu cầu:

Mong các cháu tiên và lớn nhất của tôi là các con sẽ trở thành người tốt, sau đó là cháu sẽ có một cuộc sống hạnh phúc.

Sau này con có trở thành bất cứ ai trên cuộc đời này, làm bất cứ công việc gì thì cũng làm việc một cách tốt, ngoan và biết thân, biết gia đình, biết bè, những người xung quanh, và cũng đừng và thêm chỉ là với trái đất này một cách tốt! Việc cháu tiếp tục học ở đâu, làm việc gì là tùy vào sở thích, niềm đam mê và năng lực của cháu. Tôi và gia đình hoàn toàn tôn trọng vào sự lựa chọn và quyết định của con mình.

(Thơ sĩ Đinh Thu Hoài – Giám đốc Trung tâm Đào tạo Kỹ năng sống Insight, mẹ của "cháu bé vàng" Đỗ Hải Nhật Minh trên những trang báo Giáo dục và Thời đại số 24 ngày 28-1-2017, trang 7)

Câu 1. Xác định phong cách biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên.

Phong cách biểu đạt chính của văn bản: nghệ thuật.

Câu 2. Xác định nội dung cơ bản của đoạn trích.

Những lời tâm sự (chia sẻ) của một phụ huynh: mong con trở thành người tốt.

Câu 3: Chắc hẳn và nêu hiệu quả nghệ thuật của 01 biện pháp tu từ được sử dụng.

Biện pháp tu từ liệt kê: *ng ngoan và biết thân, biết gia đình, biết bè, những người xung quanh, và cũng đừng và thêm chỉ là với trái đất này một cách tốt!*

Tác dụng: nhấn mạnh lời khuyên của người mẹ, Sau này con có thể trở thành bất cứ ai (thành vĩ nhân hay chỉ là thường dân), có thể làm việc gì (việc lao động hay việc nhàn) không quan trọng. Quan trọng là phải tốt, làm việc tốt, ngoan và tốt.

Câu 4. Là một người trẻ tuổi, anh/chị có tán đồng với mong muốn của vị phụ huynh thể hiện trong đoạn trích trên không? Vì sao?

HS nêu quan điểm cá nhân và có những lí giải thuyết phục,

II/ VĂN THUYẾT MINH – BÀI LÀM THAM KHẢO

THUYẾT MINH VỀ TÁC GIẢ NGUYỄN DU VÀ TRUYỆN KIỀU

Nguyễn Du là nhà thơ nhân đạo tiêu biểu của văn học Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỷ XVIII nửa đầu thế kỷ XIX. Ông có những đóng góp to lớn đối với văn học dân tộc và nhiều

phong diển nãi dung và nghệ thuật. Được biết, với tác phẩm Truyện Kiều, một tác phẩm truyện thơ Nôm nãi tiếng đã đưa tên tuổi Nguyễn Du lên hàng danh nhân văn hóa thế giới.

Nguyễn Du (1765-1820) tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên; quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Ông sinh ra và lớn lên trong một gia đình đời quý tộc có truyền thống văn chương và nhiều đời làm quan. Sau nhậm chức năm tháng ở Huế rồi về quê làm quan phủ tang thế ở quê nhà đến 10 tuổi mới cha, 13 tuổi mới mẹ. Nguyễn Du phải đến sống nhờ nhà người anh cả cùng cha khác mẹ là Nguyễn Khản. Năm 1783, Nguyễn Du thi hội ở Huế tam trường và được nhận một chức quan nhỏ ở Thái Nguyên. Do nhiều biến cố lịch sử, từ năm 1789, Nguyễn Du rời vào cuộc sống đầy khó khăn gian khổ. Năm 1802, Nguyễn Du ra làm quan cho nhà Nguyễn. Năm 1813, ông được giữ chức chánh sứ đi Trung Quốc. Chuyến đi sứ dài hai năm đầy gian khổ sâu đậm trong thơ văn, được biết góp phần nâng tầm khái quát của nghệ thuật thơ văn và xã hội và thân phận con người trong thơ văn của ông. Năm 1820, ông mất khi chuẩn bị lên đường đi sứ sang Trung Quốc lần thứ hai.

Trong cuộc đời nhiều sóng gió của mình Nguyễn Du đã để lại một số nghiệp văn học vô giá: để lại một số tác phẩm, sâu sắc và nãi dung, xuất sắc trong nghệ thuật thơ hiễn. Nguyễn Du với sáng tác chữ Hán và chữ Nôm. Chữ Hán với ba tập thơ tiêu biểu Thanh Hiên thi tập, Nam trung thi tập ngâm, Bắc hành thi tập lục. Chữ Nôm với Văn chiêu hồn và Truyện Kiều. Trong đó tác phẩm Truyện Kiều là tác phẩm để lại trong lòng bạn đọc ấn tượng sâu sắc nhất. Truyện Kiều của Nguyễn Du là tên gọi phổ biến của tác phẩm Đoàn trường tân thanh, một truyện thơ Nôm gồm 3254 câu thơ được viết theo thể lục bát. Tác phẩm được sáng tác dựa theo cuốn tiểu thuyết chương hồi Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc). Tuy nhiên, Nguyễn Du đã sáng tạo nên một tác phẩm mới, với cảm hứng mới, nhận thức, lí giải nhân vật theo cách riêng của ông. Truyện Kiều được chia làm ba phần: Gặp gỡ và đính ước, Gia biến và lưu lạc, Đoàn tụ. Thông qua cuộc đời của nhân vật chính Vương Thúy Kiều, truyện đã phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội phong kiến đương thời đầy rẫy sự bất công, tàn bạo, đương thời thế hiễn sự cảm thông sâu sắc của tác giả với thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ. Trên nền tảng nhân đạo chủ nghĩa văn chương, với tài năng điêu luyện, với sự lo lắng cho thế giới loài người như một nhu cầu sống và chết tự nhiên và chết tự nhiên, với sự am hiểu đương thời về ngôn ngữ bình dân cũng như ngôn ngữ văn học bác học, Nguyễn Du đã sáng tạo nên một kiệt tác của văn học trung đại Việt Nam.

Cuộc đời hơn năm mươi năm sống giữa trần gian của Nguyễn Du đều chịu nhiều biến cố cay đắng, có khi một phút thăng trầm trong nhậm chức rồi lại xoay chuyển, thế nhậm chức sau Nguyễn Du vẫn là con người của tài hoa, của một trái tim luôn chan chứa dạt dào niềm yêu thương và nỗi xót đau vô hạn cho mọi kiếp người bất hạnh trên khắp thế gian. Với tác phẩm Truyện Kiều, Nguyễn Du đã góp phần trau dồi ngôn ngữ văn học dân tộc, làm giàu cho tiếng Việt. Ông xứng đáng được công nhận là thiên tài văn học, danh nhân văn hóa thế giới.

THUYẾT MINH

CHUYỆN CHỨC PHÁN SỨ ĐOÀN TÂN NHIÊN.

Nguyễn Du sống vào khoảng thế kỷ XVI của rõ năm sinh và năm mất, ông xuất thân trong một gia đình khoa bảng (cha là tiến sĩ đời Lê), từng đi thi và đỗ ra làm quan, nhậm chức y là sống ở đời. Ông đã để lại tác phẩm nãi tiếng là Truyện kì mận lục, qua tác phẩm có thể thấy được quan điểm sống và tâm lòng của ông với cuộc đời.

Truyện kì mận lục là tác phẩm viết bằng chữ Hán, gồm 20 truyện, ra đời vào nửa đầu thế kỷ XVI. Các truyện hầu hết là thời Lí, Trần, Hồ, Lê sơ và đều có yếu tố hoang đường, nghệ

Đúng sau những yêu cầu của Đảng đó chính là hiện thực xã hội phong kiến đương thời đầy rẫy những tội trạng mà tác giả miêu tả chân thực, phê phán. Qua tác phẩm, người ta thấy được sự phẫn nộ thầm kín của những con người nhỏ bé trong xã hội. Tác phẩm cũng thể hiện tình thương dân tộc, lòng căm thù và lòng nhân ái, văn hóa nghệ thuật Việt, đặc biệt nhân hậu, thủy chung, đúng thời kỳ khẳng định quan điểm sáng “lánh đục và trong” của giai cấp trí thức mới đương thời.

Chuyện nhỏ c phán s ở đ n T n Viên là m t trong 20 tr y n c a tác ph m này. Thu c th lo i tr y n kì, nên tr y n có nh ng y u t hoang đ ng. Nh ng y u t này là ph ng ti n đ ng ý phê phán và khuyên răn, giáo d c. Tr y n k v nhân v t Ngô T Văn ng i đ t L ng Giang, v n kh ng khoái, nóng n y, th y s gian tà thì không ch u đ c. Cu i đ i H , có tên gi c t tr n đ n c p đ n T n Viên r i tác y u tác quái trong dân gian. T Văn t c gi n bèn ch m l a đ t đ n. V nhà, chàng lên c n s t r i m th y tên gi c kia đ n d a nh ng m c k , c ng i th n nhiên. Chi u t i l i có ông già đ n, t x ng là Th Công. Ông già k cho T Văn rõ m i s tình r i bày cho chàng cách ng x khi b b t xu ng âm ph . T Văn b qu s b t đi. Tr c m t Diêm V ng tâu rõ đ u đuôi s vi c, l i l r t c ng côi, không ch u nhúng nh ng chút nào. Diêm V ng sinh nghi bèn cho ng i đ n đ n T n Viên đ l y ch ng th c. Quân lính v tâu, nh t nh t đúng l i T Văn. Diêm V ng t c gi n li n sai tên lính đ y tên gi c gi danh kia xu ng ng c C u U. T Văn s ng l i, cùng dân làng mua g d ng l i tòa đ n. Viên Th Công c m kích bèn m i T Văn v làm Phán s cho Đ c Thánh T n đ n T n Viên. T Văn nghe nói, vui v nh n l i, bèn thu x p vi c nhà r i không b nh mà m t ngay sau đó. Đây chính là ph n th ng s kh ng khái, chính nghĩa, c ng tr c c a Ngô T Văn đ ng th i th hi n c m n c a nhân dân ta v m t v quan công b ng, chính tr c, thanh liêm

Tác phẩm hợp dân ngôn ngữ i đĩc bĩi nghĩ thuĩt đĩc sĩc. Sĩ đĩc sĩc ỹ vĩ nghĩ thuĩt trĩĩ c hĩn hĩt thĩ hiĩn ỹ cĩt truyĩn giĩu kĩch tĩnh cĩng cĩch kĩ chuyĩn tĩ nhiĩn, lĩi cuĩn, cĩ cao trĩo, thĩt nĩt, mĩ nĩt. Đĩc biĩt, truyĩn cĩn sĩ đĩng nhiĩu yĩu tĩ tĩĩng tĩĩng, hoang đĩĩng, kĩ ỹo. Chĩnh nhĩ ng yĩu tĩ nĩy đĩ làm cho cĩu chuyĩn thĩm phĩn đĩc sĩc vĩ cuĩn hĩt.

Chuyến chèo c phân sò đến Tn Viên đ cao tình thn khng khái, cng trc, dám đư tranh chng l i cái ác tr h i cho dân c a Ngô T Văn, m t ng i trí th c n c Vi t; đng th i th hi n ni m tin công lý, chính nghĩa nh t đnh s thng gian tà. Bng ngh t thu t k chuy n l i cu n, nhân v t đ c xây đng s c nét, tình ti t và di n bi n truy n giàu kch tính, truy n đã đ l i n t ng mnh m trong lòng ng i đ c.

THUYẾT MINH ĐƠN TRÍCH HỒI TRƯNG CẤP THÀNH

La Quán Trung (1330-1400?) lên làm vào cuối thời Nguyên đầu thời Minh, là người chuyên soạn văn và biên soạn dã sử và cũng là người đầu tiên có đóng góp xuất sắc cho truyện phả tiểu thuyết lịch sử thời Minh – Thanh ở Trung Quốc. La Quán Trung căn cứ vào lịch sử, truyện kể dân gian để viết "Tam quốc diễn nghĩa" ra đời vào đầu thời Minh gồm 120 hồi. Đoạn trích "Hồi truyện Cao Thành" thuộc hồi thứ 28 là hồi truyện thách thức, minh oan, đoàn tụ và biểu dương lòng anh hùng, trung nghĩa của Truyện Phi, Quan Công.

Hồ i trng C Thành là tên g i do ng i biên so n đ t, đ n tr ch kh ng ph i toàn b h i 28 mà là m t ph n gi a đ c tr ch ra, v i hai câu th m đ u:

“Chém Sái Dị ị ng anh em đoàn tị

Hỡi Cờ Thành tôi chúa đoàn viên”.

Đoàn trích kị vờ cuốc chằm tráng đậy kích tính giết a Quan Công và Trùng Phi để ng
lúc cả hai đang xý ra mâu thuẫn. Quan Công trên đường hốt tay hai người chĩa đầu đi tìm Lưu
Bà con vờ t qua các cửa rồi các tướng giết Tào. Trùng c tình thế tiến thoái lưỡng nan, Quan

Công quyêt định mắ cho mình mắ t con đắ ng máu, giắ t sắ ch các tắ ng giắ c ắ năm ắi. Đắ n trắ c Cắ Thành, ông nghe ngóng đắ c Trắ ng Phi – ngắ i em kắ nghĩa đang ắ đó, ông vui mắ ng khôn xiắ t, nhắ ng tắ ng sắ có cuắ c đoàn viên sum hắ p nhắ ng Trắ ng Phi vắ n bắ n tính đa nghi, nghĩ rắ ng Quan Công ắ hai lòng đắ n bắ t mình nắ p cho Tào Tháo; mắ c kắ Quan Công và hai ngắ i chắ dậu phân trắ n, Trắ ng Phi quyắ t không mắ cắ a thành, buông lắ i mắ ng nhiắ c, phắ bắ ng còn đắ a đánh Quan Công. Đúng lúc đó, tắ ng giắ c Tào là Sái Dắ ng mang quân đắ n, điắ u này càng làm mắ i nghi ngắ cắ a Trắ ng Phi tăng thêm, không biắ t làm cách nào đắ giắ i thích cho em, Quan Công hắ a chắ t đắ u Sái Dắ ng đắ chắ ng mình mình trong sắ ch. Thắ y Quan Công quắ quyắ t vắ y, Trắ ng Phi đắ a ra điắ u kiắ n sau ba hắ i trắ ng, Quan Công phắ i chắ t đắ c đắ u Sái Dắ ng thì mắ i tin. Trắ ng Phi vắ a đánh lên hắ i trắ ng đắ u tiên, Sái Dắ ng đã đắ u rắ i xuắ ng đắ t, thắ y vắ y Trắ ng Phi nguôi giắ n, cho phép Quan Công cùng hai ngắ i chắ dậu vào thành; sau khi nghe cắ ba phân trắ n, Trắ ng Phi hiắ u rõ đắ u đuôi ngắ n ngành mắ i chuyắ n, rắ nắ c mắ t khóc, cúi lắ y Quan Công.

Đoắ n trích "Hắ i trắ ng cắ thành" đã khắ c hắ a thành công và chân thắ c hình ắ nh cắ a hai ngắ i anh hùng trong Tam Quắ c chí, là Trắ ng Phi và Quan Công. Tuy có nhắ ng đắ i lắ p vắ tính cách, mắ t ngắ i điắ m tĩnh, mắ t ngắ i nóng nắ y, bắ c trắ c nhắ ng cắ hai đắ u có điắ m chung đó chính là mắ t lòng trung thành, coi trắ ng tình nghĩa huynh đắ, đắ u là nhắ ng tắ ng lĩnh tài giắ i, dũng mãnh. Và hắ n hắ t, cắ hai ngắ i anh hùng này đắ u là đắ i điắ n cho chắ "dũng", là nhắ ng nhân tắ tắ o nên sắ c mắ nh cho Lắ u Bắ.

Hắ i trắ ng có ý nghĩa thuắ tóm toàn bắ linh hắ n, mang lắ i không khí chiắ n trắ n cho đoắ n trích. Đó là hắ i trắ ng thắ c, minh oan, đoàn tắ cắ a ba anh em cắ a Lắ u Bắ, Quan Công, Trắ ng Phi. Đoắ n trích đã thắ hiắ n đắ c tính cắ ng trắ c cắ a Trắ ng Phi và lòng trung nghĩa cắ a Quan Công. Kắ t cắ u cắ a "Hắ i trắ ng Cắ Thành" nhắ mắ t vắ kắ ch hoàn chắ nh và mang nhắ ng đắ c điắ m nghắ thuắ t tiêu biắ u cắ a tiắ u thuyắ t chắ ng hắ i. Tác phắ m "Tam quắ c điắ n nghĩa" không chắ phắ i bày cắ c điắ n chính trắ Trung Hoa lúc bắ y giắ mà còn đắ lắ i nhắ ng bài hắ c vắ nhàn, lắ, nghĩa, trí, tín cắ a Nho giáo, các cách ắ ng xắ cắ a bắ c quân tắ. Đây cũng là nguyên nhân khiắ n tác phắ m luôn có sắ c hắ p đắ n đắ i vắ i các thắ hắ bắ n đắ c.